PHỤ LỤC 10.1

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ VÀ THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 292/QĐ-TTPVHCC ngày 28/6/2025 của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)

STT	MÃ SỐ HỒ SƠ TTHC	LĨNH VỰC / TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	THỜI HẠN GIẢI QUYẾT	ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	CĂN CỨ PHÁP LÝ	HÌNH THỨC THỰC HIỆN QUA DỊCH VỤ BCCI		MỨC ĐỘ DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN		TTHC KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH (x)
							Tiếp nhận hồ sơ (x)	Trả kết quả (x)	Toàn trình (x)	Một phần (x)	
I	**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (04 TTHC)**										
01	1.003712	Công nhận nghề truyền thống	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu và điểm tiếp nhận và trả kết quả; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về Phát triển ngành nghề nông thôn. - Khoản 1 Điều 39 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	X	X		X	X
02	1.003695	Công nhận làng nghề	15 ngày làm việc		Không		X	X		X	X
03	1.003727	Công nhận làng nghề truyền thống	15 ngày làm việc		Không		X	X		X	X
04	1.003397	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp tỉnh)	25 ngày làm việc		Không		X	X		X	X
II	**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (01 TTHC)**										
01	1.003434	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	18 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu và điểm	Không	- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.	X	X		X	X

STT	MÃ SỐ HỒ SƠ TTHC	LĨNH VỰC / TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	THỜI HẠN GIẢI QUYẾT	ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	CĂN CỨ PHÁP LÝ	HÌNH THỨC THỰC HIỆN QUA DỊCH VỤ BCCI		MỨC ĐỘ DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN		TTHC KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH (x)
							Tiếp nhận hồ sơ (x)	Trả kết quả (x)	Toàn trình (x)	Một phần (x)	
				tiếp nhận và trả kết quả; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		- Điều 40 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.					

PHỤ LỤC 10.2

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG THAY ĐỔI LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ VÀ THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 292/QĐ-TTPVHCC ngày 28/6/2025 của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)

STT	MÃ SỐ HỒ SƠ TTHC	LĨNH VỰC / TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	THỜI HẠN GIẢI QUYẾT	ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	CĂN CỨ PHÁP LÝ	HÌNH THỨC THỰC HIỆN QUA DỊCH VỤ BCCI		MỨC ĐỘ DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN		TTHC KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH (x)
							Tiếp nhận hồ sơ (x)	Trả kết quả (x)	Toàn trình (x)	Một phần (x)	
	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (02 TTHC)										
01	1.003524	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	01 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công Tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu/Điểm tiếp nhận và Trả kết quả	Không	- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; - Thông tư số 39/2018/TT- BNNPTNT	X	X	X		X

STT	MÃ SỐ HỒ SƠ TTHC	LĨNH VỰC / TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	THỜI HẠN GIẢI QUYẾT	ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	CĂN CỨ PHÁP LÝ	HÌNH THỨC THỰC HIỆN QUA DỊCH VỤ BCCI		MỨC ĐỘ DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN		TTHC KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH (x)
							Tiếp nhận hồ sơ (x)	Trả kết quả (x)	Toàn trình (x)	Một phần (x)	
						ngày 27/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu. - Quyết định số 492/QĐ-BNN-KTHT ngày 31/01/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT v/v công bố thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực kinh tế hợp tác và PTNT thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Quyết định số 1276/QĐ-SNN&PTNT ngày 14/10/2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Ninh Ban hành Quy định phân công trách nhiệm và phối hợp trong quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT trên địa bàn tỉnh đối với các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Ninh.					
02	1.003486	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu	Nội dung bên dưới TTHC	Trung tâm Phục vụ hành chính công Tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính	Không	- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;	X	X		X	X

STT	MÃ SỐ HỒ SƠ TTHC	LĨNH VỰC / TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	THỜI HẠN GIẢI QUYẾT	ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	CĂN CỨ PHÁP LÝ	HÌNH THỨC THỰC HIỆN QUA DỊCH VỤ BCCI		MỨC ĐỘ DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN		TTHC KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH (x)
							Tiếp nhận hồ sơ (x)	Trả kết quả (x)	Toàn trình (x)	Một phần (x)	
				công các xã, phường, đặc khu/Điểm tiếp nhận và Trả kết quả		- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế; - Thông tư số 39/2018/TT- BNNPTNT ngày 27/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu. - Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Phân công, phân cấp cơ quan thẩm định, chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản và cơ quan quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.					

Thời hạn giải quyết:

- Đối với kiểm tra chặt: 07 ngày làm việc;
- Đối với kiểm tra thông thường: 03 ngày làm việc.